TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30-10-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Nguyễn Thị Lợi

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Đào Mai Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Bà Hoàng Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 352/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 về ly hôn Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48a/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị K; nơi ĐKHKTT: Xóm M, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện B1, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Xuân N, nơi cư trú: Thôn H1, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà kết hôn với ông Nguyễn Xuân N trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 28 tháng 3 năm 1997. Sau khi kết hôn, bà về chung sống cùng gia đình ông N ở thôn H1, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng đến tháng 5 năm 1997, do yêu cầu công tác, bà phải chuyển đến cư trú tại Ấp B, xã H, huyện B1, tỉnh Kiên Giang cho đến nay, còn ông N cư trú tại thôn H1, xã Đ. Do yêu cầu công việc nên từ tháng 5 năm 1997 đến nay, bà và ông N chỉ hỏi thăm nhau qua điện thoại mà ít khi gặp nhau, hai bên sống ly thân trong thời gian dài nên tình cảm xa

cách. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Xuân N.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Xuân N có một con chung là Nguyễn Tuấn N, sinh năm 1999. Con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai và bản tự khai, bị đơn là ông Nguyễn Xuân N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn của ông và bà K theo như bà K đã khai là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Mặt khác do yêu cầu công việc nên bà K phải chuyển đến cư trú tại tỉnh Kiên Giang nên tình cảm vợ chồng xa cách. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà K xin ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà K có một con chung theo như lời khai bà K đã trình bày là đúng. Con chung đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71,72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều 147; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị K. Bà K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về việc xét xử vắng mặt đương sự:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị K và bị đơn ông Nguyễn Xuân N vắng mặt tại phiên tòa và có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Xuân N.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ lời khai các đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định: bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Xuân N kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 1997. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng sống ly thân trong thời gian dài nên tình cảm ngày càng xa cách. Hiện tại vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà K và ông N đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc bà K và ông N thuận tình ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Xuân N có một con chung là Nguyễn Tuấn N, sinh năm 1999. Con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Xuân N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều 147; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K được ly hôn ông Nguyễn Xuân N.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Bà K đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn theo Biên lai thu tiền số 15381 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Nên bà K không phải nộp nữa.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- UBND xã Đ, huyện A;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Thước **Phạm Văn Tỵ** **Trương Minh Huế**

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã An Hòa, huyện An Dương, HP;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Tuân **Nguyễn Thị Lợi** **Trương Minh Huế**

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã An Hưng, huyện An Dương, HP;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Tuân **Nguyễn Thị Lợi** **Trương Minh Huế**

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
-Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
-UBND xã Đồng Thái,An Dương, HP;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Tuân **Nguyễn Thị Lợi** **Trương Minh Huế**

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
-Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND TT An Dương, An Dương, HP (nơi đăng ký kết hôn);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; Lưu HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế